

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Số: 4696 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng
Dự án: Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu công nghiệp
Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 23/03/2022 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định;

Căn cứ Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 4505/QĐ-UBND ngày 05/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 935/BC-SKHĐT ngày 18/12/2023, đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 2585/SGTVT-GT ngày 15/12/2023 và đề nghị của Ban QLDA Giao thông tỉnh tại Văn bản số 3392/TTr-BQLGT ngày 18/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án Xây dựng tuyến đường nối từ Quốc lộ 19 đến Khu công nghiệp Becamex VSIP Bình Định kết nối với Cảng Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Quy mô điều chỉnh, bổ sung: Bổ sung quy mô đoạn tuyến nhánh để kết nối với Tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong có chiều dài khoảng $L = 6,5\text{Km}$; quy mô bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 12,0\text{m}$ (đoạn 4) theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh. Quy mô của tuyến nhánh (đoạn 4) cụ thể như sau:

- Điểm đầu: Giao với tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 19 đến Khu Công nghiệp Becamex VSIP Bình Định tại Km2+250, thị xã An Nhơn.

- Điểm cuối: Giao với tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phú Phong tại Km1+900, huyện Tây Sơn.

- Chiều dài khoảng $L = 6,5\text{ Km}$ với quy mô bề rộng nền đường $B_{\text{nền}} = 12,0\text{m}$; trong đó:

+ Bề rộng mặt đường xe cơ giới: $B_{\text{mặt}} = 2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường xe thô sơ: $B_{\text{mặt}} = 2 \times 2,0\text{m} = 4,0\text{m}$.

+ Bề rộng lề đường: $B_{\text{lề}} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông trên tuyến.

2. Phương án xây dựng tuyến nhánh (đoạn 4):

a. Phần đường:

- Nền đường:

+ Mái taluy nền đắp $m = 1:1,5$;

+ Nền đường đào có hệ số mái taluy $m = 1:1$; riêng những đoạn đào đá có hệ số mái taluy $m = 1:0,75$.

+ Nền đường đắp đất cấp phối đòi được đầm chặt đạt $K \geq 0,95$; phần nền dưới đáy kết cấu áo đường dày 50cm được đầm chặt $K \geq 0,98$.

- Mặt đường:

+ Kết cấu mặt đường làm mới gồm: Lớp bê tông nhựa C12.5 dày 5cm, tưới nhũ tương dính bóm $0,5\text{ kg/m}^2$, lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm, tưới nhũ tương bóm $1,0\text{ kg/m}^2$, cấp phối đá dăm loại I $D_{\text{max}} = 25\text{mm}$ dày 15cm, cấp phối đá dăm loại I $D_{\text{max}} = 37.5\text{mm}$ dày 18cm.

+ Kết cấu mặt đường đối với những đoạn đào qua nền đá hoàn toàn: Lớp

bê tông nhựa C12.5 dày 5cm, tưới nhũ tương dính bảm 0,5 kg/m², lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm, tưới nhựa thấm bảm 1,0 kg/m², cấp phối đá dăm loại I D_{max} = 37.5mm dày trung bình 15cm gia cố xi măng 5% tạo phẳng.

- Nút giao: Có 2 nút giao lớn tại đầu tuyến và cuối tuyến. Các nút giao được thiết kế dạng nút giao thông cùng mức đơn giản, trong phạm vi nút giao bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo đúng điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Đường giao dân sinh: Thiết kế vượt nổi vào tuyến chính, bán kính vượt nổi tối thiểu $R > 3m$, phạm vi vượt nổi từ tim tuyến chính ra 30 - 50m tùy từng đường giao.

- Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41: 2019/BGTVT (vạch sơn, biển báo, tường hộ lan mềm...).

b. Công trình thoát nước:

- Công trình cầu: Gồm 02 cầu xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT DƯL:

+ Bề rộng cầu B_{cầu} = 11,0m (phần xe chạy) + 2 x 0,5m (gờ lan can) = 12m.

+ Tên cầu và kết cấu chi tiết từng cầu theo bảng sau:

TT	Tên cầu/ lý trình	Sơ đồ kết cấu	Chiều dài toàn cầu (m)	Khổ cầu	Kết cấu nhịp	Kết cấu móng
1	Km 1+353,70	1x 22m	30,6m	12,0m	Kết cấu nhịp dầm bản rộng L = 22,0m DƯL	Cọc khoan nhồi Φ100cm
2	Km4+282	2x 24m	58,15m	12,0m	Kết cấu nhịp dầm bản rộng L = 24,0m DƯL	Móng nông đặt trên nền đá (khoan cấy thép neo)

- Cống hộp lớn: Gồm 06 vị trí cống hộp lớn kết cấu bằng bê tông cốt thép.

- Cống thoát nước nhỏ: Gồm 20 vị trí cống vuông, cống tròn bằng bê tông ly tâm, khẩu độ theo tính toán từng vị trí.

c. Kết cấu khác:

- Rãnh dọc: Rãnh dọc gia cố được bố trí ở những đoạn nền đường đào có độ dốc dọc lớn, thu nước từ mặt đường và mái taluy dương, có kết cấu bằng tấm lát bê tông xi măng dày 6cm lắp ghép.

- Gia cố mái taluy nền đường:

+ Đối với đoạn nền đường đắp thấp chiều cao <3m, mái taluy gia cố bằng trồng cỏ. Đối với đoạn nền đường đắp cao, chiều cao đắp ≥3m, mái taluy gia cố bằng tấm lát bê tông.

+ Đối với đoạn nền đường đào sâu (chiều cao mái taluy dương ≥ 12m) có

nguy cơ đá lở, đá rơi, sạt lở đất... được thiết kế gia cố bằng lưới sức kháng cao kết hợp đinh neo và lưới thép xoắn kép kết hợp lưới địa kỹ thuật 3 trục gốc Polyme và xây dựng tường chắn đất.

d. **Hệ thống điện chiếu sáng:** Xây dựng mới đường dây 22kV và 01 trạm biến áp 50kVA – 22/0,4kV cấp nguồn cho hệ thống chiếu sáng. Cột đèn chiếu sáng sử dụng cột bê tông li tâm bố trí một bên đường, đối với các cột đèn bố trí trên cầu sử dụng cột thép, trên mỗi cột lắp 1 bộ đèn LED 180W riêng đối với vị trí nút giao bố trí bộ đèn LED 400W. Khoảng cách trung bình giữa các cột từ (30 ÷ 35)m.

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn tuyến bổ sung:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Từ chân taluy nền đường đắp, đỉnh taluy nền đường đào, mép ngoài rãnh dọc, các đoạn cải mương ra mỗi bên 2m. Riêng đối với công trình cầu tính từ mép ngoài công trình ra mỗi bên 7m.

- Tổ chức thực hiện: UBND thị xã An Nhơn thực hiện phạm vi thuộc địa bàn thị xã An Nhơn và Ban QLDA giao thông tỉnh thực hiện phạm vi thuộc địa bàn huyện Tây Sơn theo Văn bản số 6115/UBND-KT ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh Bình Định.

4. Tổng mức đầu tư sau khi điều chỉnh, bổ sung: 1.163.882.063.000 đồng (Một nghìn một trăm sáu mươi ba tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn đồng). Trong đó:

Đơn vị tính: 1.000 đồng.


TT	Cơ cấu nội dung chi phí	Theo Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Giá trị điều chỉnh, bổ sung (tăng (+), giảm (-))	Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung
1	Chi phí xây dựng	543.699.119	+186.634.516	730.333.635
2	Chi phí thiết bị	673.011	+197.702	870.713
3	Chi phí QLDA	6.606.698	+2.123.093	8.729.791
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	24.395.827	+9.178.741	33.574.568
5	Chi phí khác	44.478.609	+13.104.736	57.583.345
6	Chi phí bồi thường, GPMB	84.721.910	+122.146.161	206.868.071
7	Chi phí dự phòng	90.983.487	+34.938.453	125.921.940
Tổng cộng		795.558.661	+368.323.402	1.163.882.063

5. Địa điểm xây dựng điều chỉnh, bổ sung: Thị xã An Nhơn, huyện Vân Canh và huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.


6. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 23/03/2022 và Nghị quyết số 107/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND tỉnh

7. Các nội dung khác không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh và các văn bản của cấp có thẩm quyền liên quan đến dự án.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3885/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /: 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.(M.12b) 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Nguyễn Tự Công Hoàng